

TÁC PHẨM CHÍNH TRỊ CỦA ARISTOTLE - MỘT CÔNG TRÌNH KINH ĐIỂN VỀ “NGHỆ THUẬT QUYỀN LỰC” “*Politics*” of Aristotle – A classic work on “*Power of art*”

TS. Đỗ Thị Thùy Trang

Trường Đại học Tài chính – Kế toán

Tóm tắt

Từ thời cổ đại, chính trị đối với người Hy Lạp không chỉ là một khoa học mà còn là nghệ thuật. Trong đó, vấn đề quyền lực nhà nước đã được nhiều nhà tư tưởng tập trung bàn đến. Aristotle là triết gia đã thực hiện việc tổng kết, khái quát hóa các đường lối và các thiên hướng chính trị khác nhau, tạo nên điểm nhấn đầu tiên trong khoa học quyền lực, và điều này được thể hiện tập trung ở tác phẩm *Chính trị* của ông. Trong bài viết này, chúng tôi làm rõ tính mẫu mực về nội dung và hình thức của tác phẩm để khẳng định vai trò kinh điển của nó đối với sự hình thành tư duy chính trị phương Tây ở thời đại sau.

Từ khóa: Aristotle, kinh điển, nghệ thuật quyền lực, tác phẩm *Chính trị*, thị quốc

ABSTRACT

From ancient times, politics, for the Greeks, is not only a science but also an art, of which state power is the central issue concerned and discussed by the thinkers. It is Aristotle - the philosopher who summarized and generalized different political leanings and lines with a view to creating the first focal point in powerful science, which are chiefly presented in *Politics*. This article will clarify the exemplariness in his work's form and content to affirm its classic role in the formation of Western political thinking in the later era.

Keywords: Aristotle, classic, power of art, the work “*Politics*”, state

1. Hoàn cảnh ra đời của Tác phẩm

Người Hy Lạp thời cổ đại sống trong các thị quốc và các thị quốc này được cai trị theo những cách thức khác nhau. Giữa các thị quốc thường xuyên xảy ra những cuộc chiến tranh thôn tính lẫn nhau đã dẫn đến sự xuất hiện và tàn lụi liên tục của các thị quốc. Chính điều kiện địa lý, sự tồn tại, phát triển và thay thế nhau của các thị quốc, sự đan xen giữa các hình thức cai trị, sự mở rộng lãnh thổ, giao lưu văn hóa... đã

tạo nên tính đa dạng và phức tạp của đời sống chính trị. Điều đó đã tác động mạnh mẽ đến sự hình thành tư tưởng chính trị của Aristotle.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, văn hóa là sự ra đời của chính thể dân chủ. Nền dân chủ Athens được coi là hình thức hoàn thiện, đầy đủ nhất của lối tổ chức cai trị dân chủ trong nhà nước chiếm hữu nô lệ. Nhưng sau nửa thế kỷ tồn tại và phát triển, ngụy vào thời điểm chín muồi, nền dân chủ

Athens đã bộc lộ dần những mặt trái của nó. Dù đã tạo ra sự khởi sắc nhất định trong đời sống xã hội, nó vẫn chỉ là hệ thống chính trị hạn chế, chật hẹp, khép kín, chỉ mở rộng cho dân “tự do”, tức công dân là chủ nô. Ngay vào thời đó, chính thể dân chủ Athens vẫn luôn là đối tượng phê phán của các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại. Trong điều kiện khủng hoảng của nền dân chủ chủ nô, sự gia tăng những căng thẳng và xung đột xã hội, sự mất phương hướng của con người trong đời sống tinh thần đã gợi mở những giải pháp vượt qua những tình trạng hiện có để vươn đến những giá trị tốt đẹp hơn cho cuộc sống. Do vậy, các nhà tư tưởng đã ra sức tìm kiếm các phương án khác nhau để giải quyết vấn đề quyền lực nhà nước nhằm củng cố hệ thống thị quốc đang bắt đầu hấp hối. Thực tiễn của những cuộc đấu tranh giữa các lực lượng, các nhóm xã hội khác nhau đó đã làm xuất hiện nhu cầu tìm kiếm phương án để giải quyết mâu thuẫn, điều hòa sự phân cực. Điều đó đã tác động đến quan điểm chính trị mang tính “trung dung” của Aristotle.

Thế kỷ V – IV TCN là thời kỳ “cổ điển” của văn hóa Hy Lạp mà trung tâm là Athens với tính đa dạng, muôn vẻ, xu hướng nhân bản và tự do, thể hiện trong văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học.v.v. Sống trong thời đại mà tất cả các thành tựu của các lĩnh vực đều phát triển đạt đến đỉnh cao, Aristotle đã hội tụ tất cả những tinh hoa ấy và là người tổng kết lịch sử Hy Lạp thời “cổ điển”. Đồng thời, là người chứng kiến lịch sử Hy Lạp thời kỳ Alexander xứ Macedonia, Aristotle quan tâm đến những cuộc viễn chinh và ủng hộ việc xưng bá thế giới của Alexander. Việc hướng đến “nhà nước toàn thế giới” dành cho người Hy Lạp theo phương án của

Alexander đã tác động đến Aristotle và hình thành nên ý tưởng về một Đại Hy Lạp bao trùm khắp khu vực, thống trị các dân tộc khác

Bối cảnh của thời đại đã in đậm dấu ấn trong các tác phẩm của Aristotle. Khác với những nhà tư tưởng đương thời, xuất phát từ sự quan sát và nghiên cứu 158 nhà nước thị quốc của Hy Lạp, cùng với sự phê phán và phân tích các tư tưởng chính trị đã có thời đó, đặc biệt là tư tưởng chính trị của Plato, Aristotle đã luận giải các vấn đề về quyền lực nhà nước nhằm đạt đến sự cân bằng quyền lực, tạo nên bước ngoặt đầu tiên trong khoa học quyền lực nhằm vượt qua cái đang tồn tại, hướng tới một trật tự chuẩn mực và hợp lý. Chính điều này đã làm cho tư tưởng chính trị của ông có cơ sở từ thực tiễn nên giàu tính thực tế hơn so với tư tưởng chính trị của Plato – thầy của ông. Tất cả những vấn đề đó đều được Aristotle trình bày trong tác phẩm *Chính trị*. Trong thời gian hoạt động ở trường Lyceum cũng là những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, ông dồn tất cả mọi tâm huyết vào việc viết tác phẩm này (từ năm 335 – 323 tr. CN) để thể hiện sự phản ứng của mình trước thời cuộc. Ra đời trong thời kỳ chín muồi về tư tưởng, tác phẩm *Chính trị* của Aristotle chứa đựng những luận điểm khá sâu sắc về nghệ thuật quyền lực và có giá trị khoa học đến tận ngày nay.

2. Chính trị - một tác phẩm mẫu mực của khoa học chính trị

Khoa học chính trị – khoa học chuyên nghiên cứu về quyền lực, chính thể, tổ chức và hoạt động của nhà nước, thừa nhận *Chính trị* là một tác phẩm kinh điển bởi tính mẫu mực ở cả nội dung lẫn hình thức của nó. Về hình thức, *Chính trị* là một tác phẩm hoàn chỉnh, có kết cấu chặt chẽ rõ

ràng, được trình bày một cách khoa học. Về nội dung, tính chất mẫu mực càng được khẳng định, nếu chúng ta đối chiếu với những công trình về chính trị cùng thời. Tính chất mẫu mực (kinh điển (classicus), hàm chứa những gì có tính khuôn mẫu, mô thức, cái làm nền cho sáng tạo) này đã tạo nên điểm nhấn sức hút quan trọng trong sự phát triển tư tưởng nói chung và tư tưởng chính trị nói riêng.

Trước hết, Aristotle sử dụng một hệ thống khái niệm đạt đến trình độ chuẩn xác cao để diễn đạt tư tưởng của mình mà ở thời đại ông chưa có người nào sử dụng như *hiến pháp, chế độ, chính quyền, cách mạng...* và đã trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học chính trị. Ngày nay, chúng được sử dụng rộng rãi như các khái niệm chính thức của khoa học chính trị. Trong nghiên cứu, ông bắt đầu từ việc làm sáng tỏ các khái niệm rồi sau đó mới dẫn dắt và phân tích các vấn đề. Chẳng hạn: đầu tiên, ông đưa ra định nghĩa “con người tự bản chất là động vật chính trị”, sau đó làm rõ sự cần thiết và lợi ích của con người khi sống trong thị quốc, quyền và nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước; hay việc ông làm rõ thế nào là nền cai trị kiểu mẫu và nền cai trị lệch lạc, rồi sau đó tiến hành phân loại các hình thức cai trị và tiến hành xem xét mô hình nào dễ đạt được trên thực tế. Với cách diễn đạt ngôn từ và phương pháp tư duy đó, cùng việc loại bỏ hoàn toàn cách mượn thần thoại để diễn đạt triết lý theo kiểu Plato, Aristotle là người giải phóng triệt để, thoát khỏi tình trạng tư duy tiền khoa học để sáng lập ra nhiều ngành khoa học mới, trong đó có việc đặt những viên gạch đầu tiên để xây dựng nền móng cho khoa học chính trị.

Trong tác phẩm *Chính trị*, Aristotle đã

bàn luận những vấn đề cốt lõi nhất của “nghệ thuật quyền lực” mà các thời đại sau tiếp tục triển khai, cụ thể hóa trong điều kiện mới. Các vấn đề của “nghệ thuật quyền lực” từ nguồn gốc và bản chất quyền lực, phân chia quyền lực để tạo ra sự cân bằng quyền lực, đưa ra phương án quyền lực tối ưu để phù hợp với điều kiện của thị quốc... đã tạo ra xuất phát điểm để khoa học quyền lực nghiên cứu.

2.1. Nghệ thuật dung hòa các đường lối, khuynh hướng đối lập

Với tác phẩm *Chính trị*, Aristotle đã tạo ra điểm nhấn đầu tiên trong khoa học quyền lực. Nhìn lại bức tranh lịch sử, chúng ta nhận thấy, ngay từ đầu tư tưởng chính trị Hy Lạp đã hình thành hai khuynh hướng đối lập nhau. Một khuynh hướng bắt đầu từ Solon, được Pericles kế thừa, phát triển trong điều kiện hưng thịnh của nền dân chủ chủ nô. Cùng với những nhà chính trị, các triết gia, đặc biệt là Democritus cũng góp thêm tiếng nói ủng hộ nền dân chủ - sự thể nghiệm đầu tiên mô hình nhà nước dân chủ trên thế giới. Một khuynh hướng khác, đại diện cho quý tộc chủ nô, xuất phát từ Pythagoras, được Socrates và Xenophanes làm sâu sắc thêm trong điều kiện khủng hoảng của nền dân chủ. Cuộc đấu tranh giữa tư tưởng dân chủ và phản dân chủ diễn ra một cách quyết liệt, hình thành nên hai đường lối đối lập nhau – “đường lối Democritus” và “đường lối Plato”.

Trước bối cảnh đó, Aristotle là người đầu tiên thực hiện việc điều hòa sự phân cực, khắc phục những mâu thuẫn gay gắt bằng nguyên tắc trung dung. Ông đã đóng vai trò là người tổng kết và chọn cái tinh túy nhất từ các quan điểm để đưa ra một phương án phù hợp. Trong cuộc vận hành của tư duy chính trị Hy Lạp cổ đại, các

quan điểm cải cách dân chủ được bắt đầu từ thời Solon cho đến Democritus, tuy đã đạt được nhiều thành tựu nhất định tạo nên nét chấm phá đầu tiên của nhân loại về một mô hình nhà nước dân chủ, song cũng không thể che dấu được những sai lầm và khuyết điểm mà nền dân chủ mang lại. Bên cạnh đó, những quan điểm chống dân chủ từ Pythagoras đến Socrates và Plato dù góp phần gợi mở ra một không gian chính trị tốt đẹp dành cho con người nhưng cũng không thể xóa bỏ và thoát khỏi tình trạng khủng hoảng của nền dân chủ. Là người học trò đi sau, Aristotle đã vượt lên trên các bậc tiền bối, đưa ra phương án trung dung, chọn những cái tốt nhất trong số những cái tốt. Ở đây, ông đã đặt nghệ thuật quyền lực trong sự cân đối và hài hòa giữa sức mạnh của dân chủ với chế độ quả đầu ở Sparta (đây là chế độ quyền lực không công bằng do thiếu số những người giàu nắm giữ) để tạo nên sự cân bằng trong vấn đề quản lý nhà nước. Nếu Plato đưa ra giải pháp để thoát khỏi khủng hoảng chính trị triền miên bằng cách trốn tránh thực tại, không phải là cải cách xã hội theo tinh thần “dân chủ hơn nữa” mà là vượt qua dân chủ, loại bỏ ra khỏi đời sống xã hội để tìm đến một thế giới lý tưởng, siêu việt, chỉ có thể có trong sự tưởng tượng của ông, thì Aristotle tỏ ra thực tế hơn khi dung hòa tất cả các đường lối, các quan điểm đối lập nhau, bám sát những diễn biến chính trị để đưa ra những quan điểm phù hợp với điều kiện của thị quốc. Do đó, tư tưởng chính trị của ông tỏ ra hữu hiệu và dễ dàng áp dụng.

2.2. Nghệ thuật chọn cái đứng giữa – cái tốt nhất trong số những cái tốt

Sống trong một nền dân chủ bị khủng hoảng, đang bộc lộ những yếu kém và khuyết điểm, Aristotle không phê phán dân

chủ một cách gay gắt như thầy của mình, không xem dân chủ như một chế độ xấu xa và tồi tệ nhất trong số các nền cai trị. Ông cho rằng, “chế độ độc tài là tồi tệ nhất trong số các kiểu cai trị, nhất thiết phải là cách xa hình thức được thành lập tốt, chế độ quả đầu là tốt hơn một chút, bởi vì nó là thoái hóa chế độ quý tộc và chế độ dân chủ là được nhất trong số ba dạng đó” (Aristotle, 1999, p.82). Một thực tế mà cả Aristotle và lịch sử đều không thể phủ nhận, đó là tuy nền dân chủ đang trong tình trạng khủng hoảng và suy yếu, nhưng nó cũng đã từng là thành tựu to lớn, là sự thể nghiệm đầu tiên của nhân loại về một mô hình nhà nước mà quyền lực thuộc về số đông, ít nhiều cũng đã mang lại sự khởi sắc nhất định trong đời sống tinh thần. Ở đây, Aristotle chỉ phê phán hình thức cuối cùng của nền dân chủ - đó là loại dân chủ mà trong đó, ý chí của đa số nhân dân là tối thượng và có thể thay thế pháp luật bằng những quyết định của họ. Aristotle cho rằng, hình thức này của dân chủ là chế độ được cai trị bởi những kẻ mị dân. Đó không phải là một tập thể cai trị mà là sự cai trị riêng lẻ của nhiều cá nhân. Như vậy, ông không thủ tiêu, loại bỏ hoàn toàn cái đang tồn tại – nền dân chủ – mà chỉ phê phán những mặt tiêu cực do nền dân chủ mang lại. Trong khi đó, quốc gia láng giềng Sparta đang hùng mạnh bởi nền cai trị quả đầu. Aristotle đã khéo léo kết hợp những cái tốt nhất của nền cai trị dân chủ với nền cai trị quả đầu lại với nhau để hình thành nên phương án trung dung hết sức đặc trưng của mình. Ông cho rằng, đây là phương án tối ưu nhất để vượt qua được trật tự hiện tồn, thoát khỏi tình trạng khủng hoảng. Điều này giúp ông vượt qua Plato và tạo nên dấu ấn sâu sắc trong khoa học

quyền lực – nghệ thuật chọn cái đứng giữa, kết hợp những cái tốt với nhau để đưa ra phương án hữu hiệu nhất, phù hợp với những điều kiện của thị quốc. Trước đây, chưa từng có một chính trị gia hay nhà tư tưởng nào thử nghiệm điều đó. Với bản lĩnh và kinh nghiệm dày dặn cùng trí tuệ uyên bác của nhà tư tưởng, Aristotle đã tạo ra “nghệ thuật” mới cho khoa học quyền lực, mà từ đó gợi mở cho thể hệ sau vận dụng.

2.3. Nghệ thuật xác định chủ thể quyền lực

Từ phương án trung dung, Aristotle đã làm sáng tỏ các vấn đề khác của khoa học quyền lực như bản chất quyền lực, phương thức quyền lực. Quyền lực phải nằm trong tay tầng lớp ở giữa, không quá giàu và cũng không quá nghèo. Theo ông, “những kẻ mà có quá nhiều những thứ như may mắn, sức khỏe, tài sản, quan hệ thì lại là những người hoặc không sẵn lòng phục tùng quyền uy hoặc không biết phục tùng như thế nào” (Nông Duy Trường, 2013, tr. 237) và những kẻ nằm ở cực đối nghịch (nghèo khổ) sẽ “trở thành những kẻ hạ tiện” (Nông Duy Trường, 2013, tr. 237), dễ dàng bị sai khiến. Do đó, nếu hai giai cấp này nắm quyền lãnh đạo thì sẽ dẫn đến “kết quả là ta có một nước không phải của những người tự do mà là một nước của chủ nhân và nô lệ, bên này thì khinh bỉ bên kia, còn bên kia thì đố kỵ bên này” (Nông Duy Trường, 2013, tr. 237). Vì vậy, lãnh đạo nhà nước phải là những người thuộc tầng lớp trung lưu - tầng lớp “lành mạnh nhất”, hội tụ đầy đủ những phẩm hạnh, tài năng và trí tuệ để điều hành nhà nước. Đó là những người có một lượng tài sản vừa phải, có được vận may vừa phải... mới dễ dàng tuân thủ theo lý trí và phục tùng

quyền uy. Khi tầng lớp trung lưu trở thành chủ thể quyền lực thì mới có thể phụng sự vì lợi ích chung, là điều kiện tốt nhất cho sự phát triển bền vững của một quốc gia.

Như vậy, một lần nữa, Aristotle lại tiến xa hơn so với Plato. Nếu Plato đặt vấn đề chủ thể quyền lực dựa vào sự khôn ngoan của triết gia, đồng nhất quyền lực với tri thức, không phân biệt nhà chính trị với triết gia thì Aristotle đã trao chủ thể quyền lực cho những nhà cai trị có đầy đủ phẩm chất và trí tuệ để điều hành những công việc của nhà nước. Ở đây, Aristotle đã tránh được những cực đoan mà Plato đã mắc phải khi chủ trương kết hợp tổ chất của triết gia (trí tuệ) và tổ chất của nhà chính trị (có kinh nghiệm chính trị và xử lý khéo léo các tình huống chính trị).

2.4. Nghệ thuật phân quyền nhằm đạt đến sự cân bằng quyền lực

Về phương thức tổ chức quyền lực, cũng xuất phát từ phương án trung dung, chọn những cái đứng giữa để tránh tình trạng thái quá lẫn bất cập, Aristotle đã tiến tới phân chia quyền lực để tránh trường hợp quyền lực tập trung trong tay một hay một số người. Có như vậy mới giải quyết được tình trạng độc đoán, chuyên quyền. Trong tác phẩm *Chính trị*, ông cho rằng, một nhà nước cần thiết phải có ba loại cơ quan: đó là cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp; và ba cơ quan này chịu trách nhiệm về những vấn đề khác nhau. Như vậy, lại một lần nữa, Aristotle ghi dấu ấn trong khoa học chính trị với tư cách là người đầu tiên đặt nền móng cho tư tưởng “tam quyền phân lập”. Dù mới dừng lại ở những nét chấm phá hết sức cơ bản, song đó chính là một bước phát triển vượt bậc mà Aristotle đã cống hiến cho nhân loại. Dấu ấn Aristotle tạo ra được thể hiện rõ nét

trong các học thuyết phân quyền của các nhà tư tưởng thế kỷ XVII – XVIII như J. Locke, Ch. Montesquieu và ngày nay, vấn đề phân quyền trở thành một trong những tiêu chí cơ bản của nhà nước pháp quyền. Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là những tri thức thể hiện tinh thần nhân văn mà tư duy triết học và chính trị của loài người đã đạt tới. Nó là một trong những giá trị của nhân loại đã được tích lũy theo chiều dài của lịch sử, nhưng đã bắt nguồn từ tư tưởng chính trị của Aristotle.

Đóng góp lớn nhất của Aristotle cho lịch sử tư tưởng chính trị là học thuyết về nhà nước và pháp quyền. Nhà nước có vai trò mang lại lợi ích chung cho toàn thể công dân và điều hành xã hội thông qua hệ thống pháp luật. Do vậy, để đảm bảo sự bền vững của một nhà nước thì pháp luật phải đủ mạnh. Ở đây, nghệ thuật quyền lực thể hiện ở chỗ: nhà nước không chỉ buộc con người tuân thủ pháp luật, mà còn hướng dẫn họ thực hiện nghĩa vụ công dân, được tự do hoạt động trong khuôn khổ pháp luật. Theo ông, những gì phù hợp với cá nhân thì cũng phù hợp với nhà nước. Quan điểm của Aristotle là chính quyền cần quan tâm đến từng cá thể của xã hội, từ cuộc sống đến sở hữu, bởi vì một khi cá nhân ý thức được mình là thành viên bình đẳng trong nhà nước, họ sẽ bảo vệ nhà nước đó.

Aristotle là người đầu tiên phân biệt ba loại chính quyền: chính quyền do một người, một nhóm người, hay nhiều người cầm quyền. Nhưng loại nào cũng có thể tốt hoặc xấu. Một chính quyền là tốt khi nó cai trị vì lợi ích chung của toàn dân. Một chính quyền xấu khi nó cai trị vì lợi ích hay sở thích riêng của người cai trị. Lãnh đạo quốc gia là những người tự do, có tài năng

xuất chúng để xử lý khôn khéo các tình huống chính trị. Tư tưởng này của ông chi phối hầu như là toàn bộ các học thuyết chính trị ở thời đại sau.

Trong tác phẩm *Chính trị*, với sự luận giải về các vấn đề cấu trúc gia đình, xã hội, quan hệ quyền lực, thiết chế chính trị, hiệu quả của phân tầng xã hội, Aristotle không tách đạo đức ra khỏi chính trị, thậm chí xem đạo đức là cơ sở để tìm hiểu chính trị. Còn chính trị - “nghệ thuật lãnh đạo”, hay “nghệ thuật quyền lực”, bao trùm đạo đức học. Aristotle xem đó là “nghệ thuật hoàn thiện nhân cách nhà lãnh đạo”. Lý tưởng đạo đức trong tổ chức chính trị chỉ là mặt khác của quá trình đưa con người đến hạnh phúc cá nhân.

Ở phương diện nhận thức luận chủ nghĩa duy lý, Aristotle hướng đến kinh nghiệm, gắn với đời sống của con người. Nghệ thuật quyền lực được ông xây dựng trên sự hiểu biết về con người, về đức hạnh công dân và đức hạnh nói chung. Khái niệm công dân hẹp hơn khái niệm con người, vì vậy phẩm hạnh của một công dân tốt thuộc về tất cả mọi người, nhưng phẩm chất của một người tốt chưa hẳn thuộc về tất cả công dân. Nhà cai trị phải vừa là một công dân, vừa là một con người, vừa có đức hạnh công dân, vừa có đức hạnh của một con người nói chung. Tóm lại, nhà cai trị phải là một nhân cách cao thượng.

3. Thay lời kết

Trong một xã hội đang khủng hoảng, những giá trị lẫn niềm tin đứng trước nguy cơ bị đổ vỡ, con người dường như bị mất phương hướng. Chính lúc đó, sự ra đời của những “đứa con tinh thần” như những câu trả lời của triết gia trước hàng loạt câu hỏi lớn của thời đại. Được ra đời trong bối cảnh đó, tác phẩm *Chính trị* đã phản ánh xã

hội Hy Lạp vào thời kỳ khủng hoảng của nền dân chủ chủ nô, cuộc đấu tranh của các lực lượng xã hội xung quanh vấn đề quyền lực và thể chế nhà nước, vấn đề dựng xây mô hình nhà nước lý tưởng thay cho nhà nước hiện tồn để mang lại những điều tốt cho con người. Chính sự bao quát về nội dung đó đã giúp *Chính trị* giải quyết căn

bản các cuộc tranh luận về nhà nước và quyền lực nhà nước lúc bấy giờ. Những vấn đề mà Aristotle đặt ra trong *Chính trị* đã trở thành khuôn mẫu cho các nhà tư tưởng ở thời đại sau triển khai. Chính tính mẫu mực cả về nội dung lẫn hình thức đã đưa *Chính trị* trở thành một tác phẩm kinh điển của khoa học chính trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aristotle. (1999). *The Politics*: Translated in to English by Benjamin Jowett. Batoche Books, Kitchener.
- Nguyễn Thế Nghĩa (chủ biên). (1999). *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Lê Tôn Nghiêm. (2000). *Lịch sử triết học phương Tây*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- Marcel Prelot, Georges Lescuyer. (1986). *Lịch sử các tư tưởng chính trị*: Chương trình khoa học – công nghệ KX.05, đề tài KX 05 – 02 (Bùi Ngọc Chương dịch).
- Nông Duy Trường. (2013). *Chính trị luận*. Hà Nội: NXB Thế giới.
- Nguyễn Văn Vĩnh (chủ biên). (2007). *Aristotle và Hàn Phi Tử - Con người chính trị và thể chế chính trị*. Hà Nội: NXB Lý luận chính trị.

Ngày nhận bài: 01/8/2018

Biên tập xong: 15/3/2019

Duyệt đăng: 20/3/2019